

Số: 505/BC-UBND

Đồng Phú, ngày 20 tháng 11 năm 2024

**BÁO CÁO**  
**Công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực**  
**và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2024**

Thực hiện Thông báo số 41/TB-HĐND ngày 09/5/2024 của HĐND huyện về kết quả Hội nghị liên tịch giữa Thường trực HĐND huyện với UBND huyện, Ban Thường trực UBMTTQVN, Tòa án Nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân và Chi cục Thi hành án dân sự huyện về dự kiến nội dung, chương trình và thời gian tổ chức Kỳ họp thứ 10 của HĐND huyện khóa XII;

Trên cơ sở tham mưu của Thanh tra huyện tại Báo cáo số 83/BC-TTr ngày 14/11/2024 và Phòng Tài chính và Kế hoạch huyện tại Báo cáo số 356/BC-TCKH ngày 28/10/2024;

UBND huyện Đồng Phú báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2024, cụ thể như sau:

**A. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, TIÊU CỰC VÀ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ NĂM 2024:**

**I. Kết quả thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực:**

**1. Kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong phạm vi trách nhiệm của địa phương; việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng; việc thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực (viết tắt là PCTNTC):**

a) Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, ban hành văn bản, hướng dẫn triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp trên trong công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực: Được Huyện ủy, UBND huyện đặc biệt quan tâm, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc. Từ đó, việc phòng, chống tham nhũng trong cơ quan, đơn vị, địa phương cũng như đối với cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trong từng cơ quan đơn vị được thực hiện nghiêm túc.

b) Việc ban hành văn bản hướng dẫn, triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp trên trong công tác PCTN:

Trong năm 2024, UBND huyện đã ban hành nhiều văn bản để hướng dẫn, triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp trên trong công tác PCTN, cụ thể: Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 22/01/2024 của UBND huyện về công tác PCTN, tiêu cực năm 2024 trên địa bàn huyện Đồng Phú; Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 25/01/2024 của UBND huyện thực hiện công tác kiểm soát xung đột lợi ích năm 2024 trên địa bàn huyện Đồng Phú; Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 30/01/2024 của UBND huyện thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ và Chỉ thị số 07/CT-UBND ngày 12/7/2019 của UBND tỉnh năm 2024 trên địa bàn huyện Đồng Phú; Quyết định số 5034/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của UBND huyện về việc ban hành kế hoạch thực hiện Chiến lược Quốc gia PCTN, TC đến

cơ quan, tổ chức, đơn vị đã tổ chức thực hiện việc kê khai: 57;

- Tổng số người phải kê khai 205. Trong đó, số người đã thực hiện kê khai 205; số người chậm thực hiện hoặc chưa thực hiện kê khai 00.

- Tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị phải công khai bản kê khai 57. Trong đó, số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã thực hiện công khai kê khai 57; số cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa thực hiện việc công khai bản kê khai 00.

- Số bản kê khai đã được công khai 205 bản. Trong đó, số bản kê khai được công khai bằng hình thức niêm yết 73 bản; số bản kê khai được công khai bằng hình thức công bố tại cuộc họp 152 bản.

- Số bản kê khai chưa được công khai: 00.

- Số người được yêu cầu giải trình: 00.

Hiện, UBND huyện đang chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện kê khai tài sản, thu nhập năm 2024 theo hướng dẫn của Thanh tra tỉnh tại Công văn số 430/TTr-NV3 ngày 15/10/2024 (tại Kế hoạch số 237/KH-UBND ngày 01/11/2024 của UBND huyện).

### **3. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị:**

a) Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng qua hoạt động giám sát, kiểm tra và tự kiểm tra nội bộ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý: Không.

b) Kết quả công tác thanh tra và việc phát hiện, xử lý các vụ việc tham nhũng qua hoạt động thanh tra:

Năm 2024, Thanh tra huyện triển khai và hoàn thành 04 cuộc thanh tra. Trong đó, 02 cuộc thanh tra từ kỳ trước chuyển qua; 02 cuộc thanh tra mới phát sinh trong kỳ.

- Hình thức: Theo kế hoạch 04 cuộc; đột xuất 00 cuộc.

- Tiến độ: 03 cuộc thanh tra ban hành 03 kết luận thanh tra; 01 cuộc thanh tra đã kết thúc thanh tra trực tiếp tại các đơn vị, đang trong thời gian xây dựng báo cáo thanh tra theo quy định.

Kết quả: Qua công tác thanh tra chưa phát hiện các vụ việc liên quan đến tham nhũng, tiêu cực.

c) Kết quả xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng; việc phát hiện, xử lý tham nhũng qua xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng và qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo:

Trong năm 2024, UBND huyện đã giải quyết 14 đơn khiếu nại, tố cáo, trong đó: Phát sinh trong kỳ 08 đơn; đơn từ kỳ trước chuyển qua 06 đơn), đã giải quyết hoàn thành 14 đơn khiếu nại, tố cáo. Kết quả: Qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo chưa phát hiện các vụ việc có liên quan đến tham nhũng, tiêu cực.

d) Kết quả rà soát, phát hiện tham nhũng qua các hoạt động khác: Không.

đ) Kết quả điều tra, truy tố, xét xử các vụ tham nhũng:

- Kết quả khởi tố: Trong kỳ, Công an huyện đã ra quyết định khởi tố 04 vụ/ 02 bị can, theo Điều 353 Luật Hình sự (Hoàng Trung Hiếu, Trần Thanh Cường). Đã chuyển tỉnh giải quyết theo thẩm quyền 01 vụ/00 bị can.

- Kết quả truy tố: Truy tố: 03 vụ/ 03 bị can, theo Điều 353 Luật Hình sự (Hoàng Trung Hiếu, Trần Thanh Cường, Hắc Văn Mãi).

- Kết quả xét xử các vụ án tham nhũng: Xét xử 01 vụ/ 01 bị can, Vụ “Tham ô tài sản” xảy ra vào tháng 4, 5/2023 tại Bưu cục Đồng Tâm, xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú.

e) Kết quả xử lý tài sản tham nhũng:

- Tổng số tiền, tài sản tham nhũng phát hiện được: 729.669.000 đồng.
- Tổng số tiền đã thu hồi: 486.938.368 đồng/729.669.000 đồng, **đạt 66,73%**.

f) Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu: Không.

g) Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng trong ngành Thanh tra: Không.

#### **4. Vai trò, trách nhiệm của xã hội trong phòng, chống tham nhũng:**

- Năm 2024, UBMTTQVN huyện và các tổ chức, đoàn thể thường xuyên triển khai thực hiện các biện pháp PCTN. Triển khai quán triệt và tổ chức thực hiện quy chế giám sát và phản biện xã hội của UBMTTQVN và các tổ chức chính trị - xã hội theo quy định. Cụ thể, các cơ quan, đơn vị đã ban hành nhiều văn bản thực hiện vai trò, trách nhiệm trong công tác PCTN, như: Kế hoạch số 19/KH-HĐND ngày 15/3/2024 của Thường trực HĐND huyện về giám sát của Thường trực HĐND huyện theo Nghị số 18/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; Kế hoạch số 22/KH-HĐND ngày 22/3/2024 về giám sát của Ban pháp chế HĐND huyện năm 2024; Kế hoạch số 39/KH-HĐND-BKTXH ngày 07/5/2024 về giám sát của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện năm 2024 theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; Chương trình số 09/CTr-MTTQ-UB ngày 29/01/2024 của UBMTTQ Việt Nam về giám sát và phản biện xã hội của UBMTTQVN huyện và các tổ chức chính trị - xã hội huyện năm 2024; Quyết định số 13/QĐ-MTTQ-BTT ngày 11/9/2024 của UBMTTQVN huyện về việc thành lập Đoàn giám sát việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên gắn liền với việc triển khai công tác PCTN, lãng phí theo Quy định số 124-QĐ/TW ngày 02/02/2018 của Ban Bí thư Trung ương Đảng...

- Kết quả việc bảo vệ, khen thưởng người có thành tích trong việc tố cáo về hành vi tham nhũng: Không.

## **II. Kết quả thực hiện công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí:**

### **1. Công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hành tiết kiệm, chống lãng phí:**

**a. Công tác tuyên truyền phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật về THTK, CLP đến cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc quyền quản lý của địa phương:**

#### **- Công tác triển khai:**

Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn tiếp tục tuyên truyền nhằm đẩy mạnh thông tin, phổ biến pháp luật về THTK, CLP; các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước có liên quan đến THTK, CLP với các hình thức đa dạng nhằm nâng cao, thống nhất nhận thức, trách nhiệm về mục tiêu, yêu cầu, ý nghĩa của công tác THTK, CLP.

Các cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tích cực phối hợp chặt chẽ với các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan báo chí để thực hiện tuyên truyền, vận động về THTK, CLP đạt hiệu quả.

Các cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tích cực tuyên truyền, vận động và nâng cao nhận thức THTK, CLP tại địa phương nơi sinh sống.

#### **- Kết quả thực hiện:**

100% công chức chấp hành tốt chủ trương, đường lối, Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác dân vận chính quyền. Thực hiện tốt quy định tại Quyết định số 1301/2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2014 của UBND tỉnh niêm yết công khai rõ ràng thời gian làm việc, trình tự thủ tục, thành phần hồ sơ và mức phí, lệ phí thu theo quy định.

Thực hiện tốt quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động;

nêu cao ý thức và tinh thần phục vụ Nhân dân; kiên quyết xử lý nghiêm những cán bộ, công chức, viên chức và người lao động có hành vi tiêu cực, nhũng nhiễu, gây khó khăn, phiền hà cho Nhân dân; phấn đấu mức độ hài lòng của người dân về giải quyết thủ tục hành chính ngày càng cao. Công chức phải chịu trách nhiệm trước thủ trưởng cơ quan khi gây khó khăn, phiền hà, sách nhiễu cho nhân dân. Đồng thời, tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các đoàn thể và Nhân dân để nắm tâm tư, nguyện vọng, những vấn đề bức xúc, những vấn đề khó khăn, vướng mắc trong công tác phối hợp và hoạt động; những đề xuất, kiến nghị của các đoàn thể để kịp thời giải quyết, tạo điều kiện cho đoàn thể hoạt động có hiệu quả. Nghiêm túc tiếp thu ý kiến, góp ý của Nhân dân về công tác quản lý, điều hành, về tinh thần trách nhiệm và phong cách làm việc của cán bộ, công chức, viên chức; thực hiện tốt công tác tiếp công dân.

Luôn tăng cường thực hiện quy chế dân chủ cơ sở nhằm phát huy quyền làm chủ của Nhân dân đúng quy định pháp luật trên lĩnh vực đời sống xã hội; quan tâm giải quyết những vấn đề bức xúc, hợp pháp trong Nhân dân, triển khai các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước có liên quan đến đời sống của nhân dân.

**b. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình THPTK, CLP và việc THPTK, CLP của địa phương:**

Căn cứ Quyết định số 324/QĐ-UBND ngày 01/03/2024 của UBND tỉnh về ban hành Chương trình thực hành, tiết kiệm chống lãng phí năm 2024, UBND huyện đã ban hành Chương trình số 01/CT-UBND ngày 04/4/2023 về Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2024 để chỉ đạo các ngành của huyện nghiêm túc thực hiện.

Trong năm, Huyện ủy, UBND huyện ban hành các Kế hoạch thực hiện tiết kiệm chống lãng phí, cụ thể:

- Kế hoạch số 200 -KH/HU ngày 12/8/2024 của Huyện ủy Đồng Phú về việc thực hiện Kế hoạch số 273-KH/TU ngày 20/6/2024 của Tỉnh ủy về triển khai, thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 25/12/2023 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Kế hoạch số 218/KH-UBND ngày 04/10/2024 của UBND huyện về việc triển khai Kế hoạch số 244/KH-UBND ngày 30/7/2024 của UBND tỉnh Bình Phước về triển khai thực hiện Nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 26/6/2024 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 25/12/2023 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Kế hoạch số 219/KH-UBND ngày 04/10/2024 của UBND huyện về việc triển khai thực hiện Kế hoạch số 200-KH/HU ngày 12/8/2024 của Huyện ủy về triển khai, thực hiện Kế hoạch số 273/KH/TU ngày 20/6/2024 của Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 25/12/2023 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

**c. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THPTK, CLP:**

Công tác tự kiểm tra tài chính, kiểm tra việc quản lý vốn, tài sản, đất đai tại các cơ quan nhà nước luôn được quan tâm. Ngành tài chính đã ban hành một số văn bản hướng dẫn cụ thể. Theo đó, thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm về kết quả tự kiểm tra, có biện pháp kịp thời xử lý, khắc phục, chấn chỉnh những tồn tại, yếu kém xảy ra tại đơn vị mình và chịu trách nhiệm khi để xảy ra thất thoát, lãng phí, sai chế độ, chính sách trong quá trình quản lý, sử dụng ngân sách.

Kho bạc Nhà nước tăng cường công tác kiểm soát chi ngân sách chặt chẽ đảm bảo theo đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định.

Xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra với nội dung về quản lý chặt chẽ các khoản thu, chi ngân sách nhà nước, kiểm soát chi đầu tư xây dựng cơ bản. Qua kết quả thanh tra đã kiến nghị cụ thể đối với những vi phạm quy định pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và công khai kết quả thanh tra, kết quả xử lý của từng cấp, từng đơn vị theo quy định hiện hành.

## **2. Tình hình, kết quả thực hành tiết kiệm chống lãng phí năm 2024:**

Để thực hiện tốt Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, UBND huyện chỉ đạo các phòng, ban, các Trường học, UBND các xã, thị trấn, các đơn vị đóng trên địa bàn tổ chức thực hiện nghiêm túc nội dung của Chương trình và đã đạt được một số kết quả sau:

### **a. Kết quả THTK, CLP, cụ thể trong các lĩnh vực:**

#### **- THTK, CLP trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ:**

UBND huyện đã chỉ đạo đơn vị quản lý Nhà nước có liên quan triển khai, quán triệt đến cơ sở các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ như: Các quy định về chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; các quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, quy chế quản lý và bảo trì công sở; các quy định về tiêu chuẩn, định mức trang thiết bị và phương tiện làm việc cơ quan nhà nước; các quy định về quản lý đất đai, tài nguyên thiên nhiên...; triển khai xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ tại các cơ quan, đơn vị được giao tự chủ theo các quy định của pháp luật.

Các đơn vị đã xây dựng và công khai trình tự thủ tục hành chính tại trụ sở cơ quan, đơn vị mình và công khai trên trang thông tin điện tử của đơn vị nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trong giải quyết các công việc.

#### **- THTK, CLP trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước:**

Tăng cường quản lý chặt chẽ, tiết kiệm hơn nữa chi NSNN, thực hiện nghiêm kỷ luật tài chính - NSNN; Triệt để tiết kiệm phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực ngay từ khâu xác định nhiệm vụ, lập, phân bổ, giao dự toán NSNN. Sử dụng kinh phí chi thường xuyên đúng mục đích, định mức chi tiêu, theo dự toán đã được cấp thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo chế độ tài chính hiện hành.

Thực hiện đúng theo quy định tại Thông tư số 76/2023/TT-BTC ngày 29/12/2023 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2024; Quyết định số 2098/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2024; Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 20/12/2023 của HĐND huyện về việc việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2024; Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Quyết định số 4974/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 về việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2024;

Dự toán điều chỉnh năm 2024, trên cơ sở Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 18/7/2024 của Hội đồng nhân dân huyện về việc giao dự toán điều chỉnh thu, chi ngân sách địa phương năm 2024, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 3141/QĐ-UBND ngày 19/7/2024 của UBND huyện về việc giao dự toán điều chỉnh thu, chi ngân sách địa phương năm 2024.

Các cấp ngân sách, các ngành, các đơn vị sử dụng ngân sách tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) ngay từ khâu dự toán và giữ lại phân tiết kiệm trước khi giao dự toán cho các cơ quan, đơn vị để bố trí chi thực hiện cải cách tiền lương; tổng số tiền tiết kiệm năm 2024 ngân sách địa phương là 5,250 tỷ đồng.

Trong năm, thực hiện Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 04/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ, Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 07/8/2024 của Chính phủ, Công căn số 3446/UBND-TH ngày 22/8/2024 của UBND tỉnh về việc tiết kiệm, cắt giảm 5% chi thường xuyên năm 2024, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 3682/QĐ-UBND ngày 23/9/2024 về việc phê duyệt cắt giảm, tiết kiệm 5% kinh phí chi thường xuyên theo Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 07/8/2024 của Chính phủ, kinh phí cắt giảm, tiết kiệm là 3,314 tỷ đồng.

Tăng cường các biện pháp chống thất thoát, lãng phí bằng các biện pháp phù hợp, hiệu quả nhằm tiết kiệm triệt để chi phí như: Điện, điện thoại, văn phòng phẩm, xăng dầu và các chi phí khác. Triệt để tiết kiệm chi thường xuyên nhất là các khoản chi: Tổ chức lễ hội, hội nghị, hội thảo, lễ ký kết, khởi công, phong tặng danh hiệu, ký kết thi đua, tiếp khách.... Lựa chọn hình thức mua sắm tài sản nhằm duy trì hoạt động thường xuyên theo đúng quy định Luật Đấu thầu.

**- THTK, CLP trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước:**

Công tác trong việc sử dụng mua sắm, trang bị, quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trên tinh thần tiết kiệm, đúng mục đích, đúng đối tượng; Hướng dẫn các đơn vị mua sắm theo đúng tiêu chuẩn định mức quy định tại Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017; Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ. Đồng thời, thực hiện tốt công tác thẩm định giá, góp phần tiết kiệm ngân sách Nhà nước.

**- THTK, CLP trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng:**

Trên cơ sở Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Bình Phước về việc thông qua kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024; Quyết định số 2123/QĐ-UBND ngày 27/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024; Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 20/12/2023 của HĐND huyện Đồng Phú về việc thông qua kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024; UBND huyện ban hành Quyết định số 5089/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024;

Dự toán điều chỉnh năm 2024, trên cơ sở Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 18/7/2024 của Hội đồng nhân dân huyện về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 05 năm 2021-2025, Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 18/7/2024 của Hội đồng nhân dân huyện về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công 6 tháng cuối năm 2024, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 3160/QĐ-UBND ngày 23/7/2024 của UBND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 05 năm 2021-2025, Quyết định số 3161/QĐ-UBND ngày 23/7/2024 của UBND huyện về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công 6 tháng cuối năm 2024.

Công tác quản lý, sử dụng, xây dựng mới trụ sở làm việc thực hiện đúng tiêu chuẩn quy định. Đối với các trụ sở đã xuống cấp hoặc thừa diện tích sử dụng so với định mức, UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan có liên quan thực hiện kiểm tra, rà soát diện tích đất đai, trụ sở làm việc, nhà công vụ đang quản lý để bố trí sử dụng đúng mục đích và tiêu chuẩn quy định, thu hồi diện tích trụ sở làm việc không đúng mục đích được giao để điều chuyển từ nơi thừa sang nơi thiếu hoặc thanh lý tạo nguồn vốn đầu tư xây dựng mới trụ sở các cơ quan nhà nước theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017; được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính Phủ.

**- THTK, CLP trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên:**

Thực hiện nghiêm chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền và tăng cường biện pháp thực hiện để trong năm 2024 hoàn thành cơ bản việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Việc giao đất cho các dự án, khu công nghiệp trên địa bàn huyện đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thủ tục giao đất đúng quy định.

Việc cho thuê đất thực hiện đúng trình tự, thủ tục, nghĩa vụ tài chính và sử dụng đất đúng mục đích được giao.

**- THTK, CLP trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước:**

Tăng cường rà soát nhu cầu về biên chế và việc tuyển dụng lao động của các đơn vị, đảm bảo việc tuyển dụng phù hợp nhu cầu sử dụng và không lãng phí lao động; rà soát các quy định về đào tạo, quản lý lao động trong khu vực nhà nước, có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng trên cơ sở quy hoạch của từng đơn vị, địa phương gắn liền với việc bố trí, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức trước mắt và lâu dài; kết hợp các hình thức đào tạo cho phù hợp từng đối tượng cán bộ theo đúng chuyên môn và ngành nghề đào tạo tránh tình trạng đào tạo tràn lan gây lãng phí thời gian và ngân sách Nhà nước. Các đơn vị, địa phương tổ chức, bố trí sử dụng cán bộ, công chức cơ bản đúng chuyên môn, ngành nghề được đào tạo, qua đó đã phát huy sức mạnh về năng lực, sở trường của từng cán bộ, công chức.

**- THTK, CLP trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp:** Không có.

**- THTK, CLP trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của Nhân dân:**

Các ngành, các cấp, tổ chức đoàn thể đã tăng cường công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, xây dựng nếp sống văn hóa, nếp sống mới trong việc cưới, việc tang, xóa bỏ các thủ tục lạc hậu, lối sống xa hoa, lãng phí được đa số nhân dân hưởng ứng. Kết quả thực hiện bước đầu như sau:

**Việc cưới:** Các đám cưới đều thực hiện đúng Luật Hôn nhân và gia đình. Các nghi lễ như: Chạm ngõ, ăn hỏi, lễ cưới... đều thực hiện tiết kiệm, không có tình trạng thách cưới, lễ vật, của hồi môn...

**Việc tang:** Đa phần đều thực hiện nếp sống văn minh, không còn tình trạng ăn uống kéo dài, nhiều phong tục, tập quán lạc hậu được bãi bỏ.

**Về lễ hội:** Các cấp chính quyền đã tăng cường chỉ đạo việc tổ chức các lễ hội nên từng bước đi vào nề nếp, đảm bảo thiết thực hơn, hạn chế tình trạng phô trương hình thức, lãng phí.

Bên cạnh đó, địa phương cũng đang đẩy mạnh công tác tuyên truyền sâu rộng trong Nhân dân về ý thức nghĩa vụ của công dân trong việc chấp hành các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, trong đó có việc tiết kiệm điện, tiết kiệm nhiên liệu, khí đốt..., từng bước tạo được những chuyển biến tích cực, khả quan trong xã hội.

**Về lĩnh vực y tế:** Ngành y tế trong thời gian qua cũng đã tăng cường công tác phòng chống và tiêm phòng dịch sốt xuất huyết, bệnh tay - chân - miệng ở trẻ em... Qua đó, công tác chủ động phòng ngừa dịch bệnh, ngành y tế đã góp phần tiết kiệm đáng kể về tiền, của, bảo vệ tính mạng của Nhân dân.

**Về lĩnh vực nông nghiệp:** Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trung tâm

Dịch vụ Nông nghiệp thường xuyên phối hợp với các địa phương tăng cường công tác khuyến nông, hướng dẫn bà con nông dân kỹ thuật chăn nuôi và trồng trọt nhằm tiết kiệm tối đa chi phí sản xuất, nâng cao năng suất, phát huy hiệu quả đồng vốn, mang lại lợi nhuận cao nhất có thể trong điều kiện giá cả đang tăng cao.

**b) Hành vi lãng phí và kết quả xử lý hành vi lãng phí:**

Số vụ việc lãng phí đã phát hiện: 0 vụ.

Số vụ việc đã được xử lý: 0 vụ.

Số lượng cán bộ, công chức, viên chức vi phạm và hình thức xử lý: 0 người.

**B. ĐÁNH GIÁ:**

**I. Đánh giá về công tác PCTNTC:**

UBND huyện đã chỉ đạo quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, kịp thời các quan điểm của Đảng, pháp luật của Nhà nước về PCTN; thực hiện tốt công tác PCTN, bảo đảm ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của Huyện nhà. Chỉ đạo thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN; công tác giáo dục chính trị - tư tưởng và quản lý cán bộ, công chức, viên chức; nhằm phát huy vai trò trách nhiệm, đạo đức công vụ trong công tác PCTN tại địa phương. Thực hiện có hiệu quả các giải pháp phòng ngừa và kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng. Các biện pháp phòng ngừa tham nhũng, lãng phí được triển khai tích cực, nhiều lĩnh vực triển khai thực hiện đạt kết quả cao; nhất là trong thực hiện cải cách thủ tục hành chính, thực hiện công khai minh bạch trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện PCTN, lãng phí được các cấp, các ngành quan tâm thực hiện. Vì vậy, trong thời gian qua trên địa bàn huyện đã phát hiện ra 01 số vụ tham ô tài sản xảy ra tại doanh nghiệp ngoài Nhà nước, ngành tư pháp huyện đã thực hiện khởi tố 04 vụ/02 bị can và truy tố 03 vụ/03 bị can và thực hiện xét xử 01 vụ/01 bị can, góp phần làm ổn định tình hình ANCT, TTATXH, phát triển kinh tế - xã hội tại Huyện Nhà.

**II. Đánh giá chung về công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí:**

Tình hình thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong thời gian qua đã có những chuyển biến tích cực. Trên cơ sở các văn bản hướng dẫn thực hiện của bộ, ngành trung ương và các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của tỉnh để xây dựng và ban hành Chương trình thực hiện; thường xuyên lồng ghép nội dung thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong các cuộc họp nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức trong việc chấp hành và thực hiện có hiệu quả.

Đa số các đơn vị thực hiện quyền tự chủ, tự chịu, trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính trong cơ quan; xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ cụ thể, rõ ràng, công khai các định mức, tiêu chuẩn chế độ chi tiêu trong các cơ quan, công tác quản lý, điều hành ngân sách đảm bảo chặt chẽ và hiệu quả; thực hiện quản lý, sử dụng tài sản công, trang thiết bị làm việc, phương tiện đi lại đúng tiêu chuẩn, quản lý sử dụng ngân sách đúng mục đích, chế độ, định mức quy định theo chủ trương tiết kiệm, chống lãng phí. Cán bộ, công chức, viên chức đã nâng cao tinh thần và thái độ làm việc, tăng cường nhận thức về trách nhiệm và quyền lợi của mình, góp phần thực hiện tốt các quy định về công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng nguồn tài chính, thực hiện tiết kiệm có hiệu quả.

Thực hiện tốt các quy định về công khai tài chính đối với các cấp ngân sách, từ khâu phân bổ dự toán đến khâu quyết toán hàng năm, kế hoạch xây dựng cơ bản, công khai quy trình thu và sử dụng các loại Quỹ, các khoản đóng góp của các tổ chức, cá nhân tại



địa phương... để tạo điều kiện cho việc kiểm tra, thanh tra, giám sát thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Trong năm 2024 tiết kiệm được từ chi thường xuyên của đơn vị để bố trí chi thực hiện cải cách tiền lương: 5,250 tỷ đồng (NS huyện: 3,513 tỷ đồng, NS xã: 1,737 tỷ đồng); Cắt giảm, tiết kiệm 5% kinh phí chi thường xuyên theo Nghị quyết số 119/NQ-CP là 3,314 tỷ đồng.

#### **Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:**

Một vài đơn vị chưa thực hiện nghiêm chế độ thông tin, báo cáo; chất lượng báo cáo còn thấp, chưa làm rõ nguyên nhân, chưa nhận diện hết được lãng phí trong phạm vi, lĩnh vực, địa bàn quản lý để từ đó đề ra biện pháp ngăn chặn, đẩy lùi.

Việc thực hiện công khai ở một số đơn vị chưa đi vào nề nếp và còn mang tính hình thức nên đã hạn chế hiệu quả giám sát của các tổ chức, đoàn thể quần chúng và Nhân dân.

#### **Những kinh nghiệm rút ra:**

Chấp hành nghiêm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, nhà nước về công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

Thực hiện công khai minh bạch triệt để đối với việc sử dụng ngân sách, mua sắm, sử dụng tài sản và phân bổ sử dụng nguồn lao động.

Nâng cao vai trò và trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị, cũng như ý thức trách nhiệm cho toàn thể cán bộ, công chức, viên chức trong công tác THTK, CLP. Kịp thời khen thưởng cho các tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác THTK, CLP và có biện pháp xử lý kịp thời đối với các hành vi cố tình gây lãng phí.

### **C. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2025:**

#### **I. Phương hướng, nhiệm vụ trong công tác PCTN, tiêu cực:**

1. Triển khai thực hiện đồng bộ các chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực nhất là Chỉ thị số 33-CT/TW ngày 03/01/2014 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc kê khai và kiểm soát kê khai tài sản, các quy định về công khai, minh bạch của Luật Phòng, chống tham nhũng; Chỉ thị số 50-CT/TW ngày 07/12/2015 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, xử lý các vụ việc, vụ án tham nhũng; Kết luận số 10-KL/TW ngày 26/12/2016 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác PCTN, lãng phí; Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 28/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng; Qui định số 131-QĐ/TW ngày 27/10/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng và trong hoạt động thanh tra, kiểm toán; Luật Phòng, chống tham nhũng và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành, bảo đảm kịp thời, đồng bộ, thống nhất và hiệu lực, hiệu quả các giải pháp phòng ngừa tham nhũng; phối hợp xử lý tham nhũng; khẩn trương triển khai thi hành các quy định mới về kiểm soát tài sản, thu nhập, kiểm soát xung đột lợi ích...

2. Tập trung thanh tra trách nhiệm của người đứng đầu các phòng, ban, địa phương và cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện pháp luật về PCTNTC; kịp thời thanh tra đột xuất khi phát hiện dấu hiệu vi phạm. Phát hiện, xử lý kịp thời, nghiêm minh các vụ việc tham nhũng, tiêu cực; phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng để xử lý trách nhiệm người đứng đầu để xảy ra tham nhũng, tiêu cực; phối hợp xử lý tham nhũng; khẩn trương triển khai thi hành những quy định mới về kiểm soát tài sản, thu nhập. Thực hiện tốt cơ chế phối hợp trong phát hiện, xử lý vụ việc tham nhũng, tiêu cực theo Kết luận số 05-KL/TW ngày 03/6/2021 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 50-CT/TW của Bộ Chính trị

trong công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng. Đôn đốc việc thực hiện các kết luận, chỉ đạo sau thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện pháp luật phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

3. Thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các giải pháp về phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực, nhất là các quy định về công khai, minh bạch; trách nhiệm giải trình, kiểm soát xung đột lợi ích trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị; cải cách hành chính, đổi mới công nghệ quản lý. Tiến hành thực hiện công tác kê khai, kiểm soát tài sản, thu nhập theo quy định.

4. Tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, trách nhiệm, kiên trì xây dựng văn hóa tiết kiệm, liêm chính, không tham nhũng, tiêu cực trong đội ngũ cán bộ, đảng viên và Nhân dân; đề cao sự gương mẫu, quyết liệt, nói đi đôi với làm của người đứng đầu và tập thể các cấp, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương trong PCTN, TC.

## **II. Phương hướng, nhiệm vụ và các giải pháp về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí:**

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động về ý thức thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong thi hành công vụ. Đồng thời, kết hợp với thực hiện “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”.

2. Phối hợp chặt chẽ giữa chính quyền với tổ chức đảng, các tổ chức đoàn thể, quần chúng trong địa phương để thực hiện tuyên truyền, quán triệt Luật Thực hành tiết kiệm chống lãng phí, các chương trình hành động về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của cấp trên và của các cơ quan, đơn vị đến tất cả các cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong đơn vị.

3. Nâng cao nhận thức thực hành tiết kiệm chống lãng phí, xác định đây là nhiệm vụ thường xuyên của đơn vị, địa phương, tuyên truyền sâu rộng đến từng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý nhằm tăng cường hiểu biết pháp luật, nâng cao nhận thức về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

4. Triển khai phổ biến pháp luật về thực hành tiết kiệm chống lãng phí trên các phương tiện thông tin đại chúng.

5. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trên lĩnh vực đất đai, xây dựng, tư pháp trên địa bàn huyện.

6. Quản lý chặt chẽ các dự án đầu tư ngay từ ban đầu, tránh việc định hướng đầu tư và cho chủ trương đầu tư chưa phù hợp, dẫn đến các dự án đầu tư không đạt hiệu quả kinh tế - xã hội, đầu tư dàn trải, hiệu quả sử dụng vốn nhà nước thấp.

7. Các phòng, ban, đơn vị thuộc huyện và UBND các xã, thị trấn tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện đầy đủ các quy định về công khai minh bạch để tạo điều kiện cho việc kiểm tra, thanh tra, giám sát thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

8. Đẩy mạnh việc đăng tải công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng những trường hợp trốn thuế, gian lận thuế...

## **D. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ:**

Kiến nghị UBND tỉnh, Sở Tài chính quan tâm hỗ trợ bổ sung kinh phí tuyên truyền phổ biến pháp luật cho địa phương nhằm nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, phổ biến quy định pháp luật về phòng, chống TNTC, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, các Nghị quyết, Chỉ thị của Trung ương Đảng, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; các Nghị quyết, Quyết định của UBND tỉnh, UBND huyện về PCTN, thực hành tiết kiệm, chống

lãng phí đến từng cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan trên địa bàn huyện.

(Kèm theo phụ lục 01 và Biểu số 01).

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2024 trên địa bàn huyện Đông Phú, UBND huyện báo cáo HĐND huyện./.

**Nơi nhận:**

- TT.HĐND huyện;
- TT. Huyện ủy;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Các Đại biểu HĐND huyện;
- TV.UBND huyện;
- Thanh tra huyện;
- Phòng TC-KH huyện;
- CVP, CVNC;
- Lưu: VT.



**CHỦ TỊCH**

*Lê Văn Trân*

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ VỀ CÔNG TÁC PHÒNG,  
CHỐNG THAM NHŨNG, TIÊU CỰC NĂM 2024**  
(Kèm theo Báo cáo số 505/BC-UBND ngày 20/11/2024 của UBND huyện)

MS	NỘI DUNG	ĐVT	NĂM 2024
	<b>CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT</b>		
1	Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN	Văn bản	09
2	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	00
3	Số văn bản được bãi bỏ để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	00
	<b>TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTN</b>		
4	Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về phòng, chống tham nhũng được tổ chức	Lớp	01
5	Số lượt cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTN	Lượt người	399
6	Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật phòng, chống tham nhũng được xuất bản	Tài liệu	00
	<b>THANH TRA TRÁCH NHIỆM VỀ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ PCTN</b>		
7	Tổng số cuộc thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về PCTN/TC	Cuộc	01
8	Số cuộc thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về PCTN/TC đã ban hành kết luận	Cuộc	01
9	Số đơn vị được kiểm tra	Đơn vị	02
	Kiến nghị xử lý hành chính		00
10	+ Tập thể	Tập thể	
11	+ Cá nhân	Người	
	Kiến nghị xử lý hình sự		00
12	+ Số vụ	Vụ	
13	+ Số đối tượng	Đối tượng	
	<b>PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ</b>		
	<i>Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động</i>		00
14	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động	CQ, TC, ĐV	
15	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động	CQ, TC, ĐV	
	<i>Xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ</i>		00
16	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được ban hành mới	Văn bản	
17	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Văn bản	



ĐC

18	Số cuộc thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Cuộc	01
19	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Vụ	00
20	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Người	
21	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hành chính	Người	
22	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hình sự	Người	
23	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	
24	Tổng giá trị vi phạm định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được thu hồi và bồi thường	Triệu đồng	
	<b>Thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn</b>		00
25	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn	CQ, TC, ĐV	
26	Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý	Người	
27	Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị	Người	
28	Giá trị quà tặng đã được nộp lại (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	
29	Số người bị xử lý do có vi phạm vì xung đột lợi ích	Người	
30	Số người bị xử lý do có vi phạm về việc kinh doanh trong thời hạn không được kinh doanh sau khi thôi giữ chức vụ	Người	
	<b>Chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn</b>		00
31	Số cán bộ, công chức, viên chức phải chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	Người	
32	Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	Người	
	<b>Cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt</b>		
33	Số thủ tục hành chính chính công được áp dụng tại Cơ quan, tổ chức, đơn vị	Thủ tục	499
34	Số thủ tục hành chính chính công được áp dụng mức độ 3 hoặc 4 tại cơ quan, tổ chức, đơn vị	Thủ tục	227 mức độ 3; 272 mức độ 4
35	Số thủ tục hành chính yêu cầu người dân, doanh nghiệp bổ sung hồ sơ từ 02 lần trở lên	Lướt thủ tục	
36	Số cuộc kiểm tra, thanh tra việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt	Cuộc	
37	Số vụ phát hiện vi phạm trong việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt	Vụ	
38	Tổng giá trị giao dịch qua Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng (1)	Triệu đồng	
39	Tỷ trọng tiền mặt trên tổng phương tiện thanh toán (2)	%	
	<b>Thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn</b>		
40	Số người đã thực hiện kê khai tài sản, thu nhập trong kỳ	Người	205

41	Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập	Người	00
42	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện các quy định về kê khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập	CQ, TC, ĐV	
43	Số người bị kỷ luật do vi phạm quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập	Người	
43.1	Số người bị kỷ luật do kê khai tài sản, thu nhập không trung thực	Người	
43.2	Số người bị kỷ luật do có vi phạm khác về kiểm soát tài sản, thu nhập	Người	
	<b>PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ</b>		
44	Tổng số vụ việc tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo	Vụ	04
45	Tổng số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo	Người	02
	<b><i>Qua công tác kiểm tra và tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị</i></b>		00
46	Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước	Vụ	
47	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước	Người	
48	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra	Vụ	
49	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra	Người	
50	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng	Vụ	
	<i>- Trong đó số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan thanh tra</i>	vụ	
51	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng	Người	
	<i>- Trong đó số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan thanh tra</i>	người	
	<b><i>Qua hoạt động giám sát, thanh tra, kiểm toán</i></b>		00
52	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cư, đại biểu dân cư và xử lý đề nghị của cơ quan dân cư, đại biểu dân cư	Vụ	
53	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cư, đại biểu dân cư và xử lý đề nghị của cơ quan dân cư, đại biểu dân cư	Người	
54	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động thanh tra	Vụ	
55	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua hoạt động thanh tra	Người	
56	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán	Vụ	
57	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán	Người	
	<b><i>Qua xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng</i></b>		00
58	Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	Vụ việc	
59	Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng đã được xem xét	Vụ việc	
60	Số vụ tham nhũng phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	Vụ	

61	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	người	
	<i>Qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo</i>		00
62	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Vụ	
63	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Người	
	<i>Qua các hoạt động khác (ngoài những hoạt động nêu trên, nếu có)</i>		00
64	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua các hoạt động khác	Vụ	
65	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện qua các hoạt động khác	Người	
	<i>Qua điều tra tội phạm</i>		
66	Số vụ án tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố	Vụ	04
67	Số đối tượng tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tố	Người	02
	<i>Bảo vệ, khen thưởng người tố cáo, phát hiện tham nhũng</i>		00
68	Số người tố cáo hành vi tham nhũng được được bảo vệ theo quy định của pháp luật về tố cáo	Người	
69	Số người tố cáo hành vi tham nhũng bị trả thù	Người	
70	Số người đã bị xử lý do có hành vi trả thù người tố cáo	Người	
71	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã được khen, thưởng	Người	
	<b>XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ KHI ĐỀ XÃY RA THAM NHŨNG</b>		00
72	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	
73	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	
74	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng	Người	
74.1-	<i>Khiển trách</i>	Người	
74.2-	<i>Cảnh cáo</i>	Người	
74.3-	<i>Cách chức</i>	Người	
	<b>XỬ LÝ THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ</b>		00
75	Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp)	Vụ	01
76	Số đối tượng bị kết án tham nhũng (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp) trong đó:	Người	
76.1-	<i>Số đối tượng phạm tội tham nhũng ít nghiêm trọng</i>	Người	
76.2-	<i>Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng</i>	Người	01
76.3-	<i>Số đối tượng phạm tội tham nhũng rất nghiêm trọng</i>	Người	
76.4-	<i>Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng</i>	Người	
77	Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính	Vụ	
78	Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng	Người	

79	Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Vụ	
80	Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Người	
	<i>Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã phát hiện được</i>		
81	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	729,669
82	Đất đai	m <sup>2</sup>	
	<i>Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được thu hồi, bồi thường</i>		
83	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	486,938
83.1	<i>Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp hành chính</i>	Triệu	486,938
83.2	<i>Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp tư pháp</i>	Triệu	00
84	Đất đai	m <sup>2</sup>	
84.1	<i>Kết quả thu hồi đất bằng biện pháp hành chính</i>	m <sup>2</sup>	
84.2	<i>Kết quả thu hồi đất bằng biện pháp tư pháp</i>	m <sup>2</sup>	
	<i>Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng không thể thu hồi, khắc phục được</i>		
85	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	
86	Đất đai	m <sup>2</sup>	
	<b>PHÁT HIỆN, XỬ LÝ THAM NHŨNG TRONG NGÀNH THANH TRA</b>		
87	Tổng số vụ việc tham nhũng trong cơ quan thanh tra được phát hiện trong kỳ báo cáo	Vụ	00
88	Tổng số đối tượng tham nhũng trong cơ quan thanh tra được phát hiện trong kỳ báo cáo	Người	00
89	Số vụ việc tham nhũng trong cơ quan thanh tra bị xử lý hình sự	Vụ	00
90	Số đối tượng tham nhũng trong cơ quan thanh tra bị xử lý hình sự	Người	00
91	Số vụ việc tham nhũng trong cơ quan thanh tra bị xử lý hành chính	Vụ	00
92	Số đối tượng tham nhũng trong cơ quan thanh tra bị xử lý kỷ luật	Người	00

T. T. T. T.

2



## KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

Kỳ báo cáo: Năm 2024

(Kèm theo Báo cáo số 505/BC - UBND ngày 20 tháng 11 năm 2024 của UBND huyện)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ</b>				
1	Số văn bản quy định tiêu chuẩn, định mức mới được ban hành	văn bản	0	0	
2	Số văn bản quy định tiêu chuẩn, định mức được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp	văn bản	0	0	
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	cuộc	1	1	Kiểm tra về đăng ký kinh doanh
4	Số vụ vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được phát hiện và xử lý	vụ	0	0	
5	Tổng giá trị các vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền)	triệu đồng	0	0	
<b>II</b>	<b>Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)</b>				
<b>1</b>	<b>Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN</b>		5.250	8.564	
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng			
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chỉ thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	triệu đồng	5.250	5.250	
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng			
1.4	Các nội dung khác (tiết kiệm, cắt giảm 5% theo NQ số 119)	triệu đồng	-	3.314	
<b>2</b>	<b>Sử dụng và thanh quyết toán NSNN</b>		0	0	
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:		0	0	Số tiền tiết kiệm xác định trên cơ sở dự toán được duyệt; mức khoán chi được duyệt
	Tiết kiệm văn phòng phẩm	triệu đồng	0	0	
	Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc	triệu đồng	0	0	
	Tiết kiệm sử dụng điện	triệu đồng	0	0	
	Tiết kiệm xăng, dầu	triệu đồng	0	0	
	Tiết kiệm nước sạch	triệu đồng	0	0	
	Tiết kiệm công tác phí	triệu đồng	0	0	
	Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo	triệu đồng	0	0	
	Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm	triệu đồng	0	0	
	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc	triệu đồng	0	0	
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)		0	0	
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi		0	0	
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:		0	0	Tiết kiệm so với dự toán, định mức, tiêu chuẩn hoặc mức khoán chi được duyệt
	Thẩm định, phê duyệt dự toán	triệu đồng	0		
	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng	0		
	Thương thảo hợp đồng	triệu đồng	0		
	Các nội dung khác		0		
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức		0	0	
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia		0	0	
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ		0	0	



*(Handwritten signature)*

2.6	Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo	triệu đồng	0	0	
2.7	Tiết kiệm kinh phí y tế	triệu đồng	0	0	
3	<b>Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ</b>		74	74	
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	đơn vị	74	74	
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	đơn vị	0	0	
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	triệu đồng	0	0	
4	<b>Các nội dung khác</b>		0	0	
III	<b>Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước</b>				
1	<b>Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)</b>		5	5	
1.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	chiếc	5	5	Xe ô tô + Xe chuyên dùng
1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	chiếc	0	0	
1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	chiếc	0	0	
1.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc	0	0	
1.5	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	triệu đồng	0	0	
2	<b>Tài sản khác</b>		0	0	
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản	0	0	
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	tài sản	0	0	
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	triệu đồng	0	0	
3	<b>Các nội dung khác</b>		0	0	
IV	<b>Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng</b>				
1	<b>Trong đầu tư xây dựng</b>				
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	dự án	0	1	
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng	97	240.306	Tiết kiệm so với dự toán được phê duyệt
	- <i>Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán</i>	triệu đồng	0	0	
	- <i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	triệu đồng	0	143.306	
	- <i>Thực hiện đầu tư, thi công</i>	triệu đồng	0	0	
	- <i>Thẩm tra, phê duyệt quyết toán</i>	triệu đồng	97	97	
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng	0	0	
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án	13	15	
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, huỷ bỏ		0	0	
	<i>Số lượng</i>	dự án	0	0	
	<i>Giá trị đầu tư phải thanh toán</i>	triệu đồng	0	0	
2	<b>Trụ sở làm việc</b>		228.169	228.169	
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m <sup>2</sup>	228.169	228.169	
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m <sup>2</sup>	0	0	
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m <sup>2</sup>	0	0	
2.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m <sup>2</sup>	0	0	
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m <sup>2</sup>	0	0	
2.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	triệu đồng	0	0	
3	<b>Nhà công vụ</b>		2.601	2.601	
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m <sup>2</sup>	2.601	2.601	

*Handwritten signature*

3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhân điều chuyển	m2	0	0
3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2	0	0
3.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2	0	0
3.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2	0	0
3.6	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	triệu đồng	0	0
4	<b>Các nội dung khác</b>			
V	<b>Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên</b>			
1	<b>Quản lý, sử dụng đất</b>		-	386,75
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hoá, có vi phạm pháp luật	m2	0	-
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hoá đã xử lý, thu hồi	m2	0	-
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng	-	386,75
1.4	Các nội dung khác		0	0
2	<b>Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác</b>		0	0
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	vụ	0	0
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng	0	0
3	<b>Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được</b>		0	0
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	dự án	0	0
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng	0	0
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt		0	0
4	<b>Các nội dung khác</b>		0	0
VI	<b>Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước</b>			
1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động	vụ	0	0
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	triệu đồng	0	0
3	Các nội dung khác		0	0
VII	<b>Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp</b>			
1	<b>Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh</b>		0	0
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	triệu đồng	0	0
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	triệu đồng	0	0
	<i>Tiết kiệm điện</i>	Kw/h		
	<i>Tiết kiệm xăng, dầu</i>	Tân (lít)		
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	triệu đồng	0	0
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	triệu đồng	0	0
1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký	triệu đồng	0	0
1.6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	triệu đồng	0	0
2	<b>Quản lý đầu tư xây dựng</b>		133	133
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	dự án	74	74
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	dự án	59	59
	Chi phí đầu tư tiết kiệm được			
	<i>Thâm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán</i>	triệu đồng	0	0
	<i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	triệu đồng	0	0
	<i>Thực hiện đầu tư, thi công</i>	triệu đồng	0	0
	<i>Thâm tra, phê duyệt quyết toán</i>	triệu đồng	0	0
2.3	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn		0	0
	<i>Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật</i>	dự án	0	0
	<i>Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật</i>	triệu đồng	0	0
2.4	Các nội dung khác		0	0
3	<b>Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN</b>		0	0
	<i>Số tiền tiết kiệm được</i>	triệu đồng	0	0



2

	Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt	triệu đồng	0	0
	Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí	triệu đồng	0	0
<b>4</b>	<b>Mua sắm tài sản, phương tiện</b>		5	5
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con		5	5
	Số lượng xe đầu kỳ	chiếc	5	5
	Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)	chiếc	0	0
	Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ	triệu đồng	0	0
	Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)	chiếc	0	0
	Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng	triệu đồng	0	0
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc	0	0
	Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ	chiếc	0	0
	Số tiền mua xe trang bị sai chế độ	triệu đồng	0	0
<b>5</b>	<b>Nợ phải thu khó đòi</b>		0	0
	Số đầu kỳ	triệu đồng	0	0
	Số cuối kỳ	triệu đồng	0	0
<b>6</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>		0	0
	Số đầu năm	triệu đồng	0	0
	Số cuối kỳ	triệu đồng	0	0
<b>VIII</b>	<b>THTK, CLP trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân</b>			
<b>1</b>	<b>Hộ gia đình thực hiện nếp sống văn hoá, THTK, CLP</b>	<b>Luợt hộ</b>	0	0
<b>2</b>	<b>Các vụ việc gây lãng phí được phát hiện</b>	<b>Vụ</b>	0	0
<b>IX</b>	<b>Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THTK, CLP</b>			
<b>1</b>	<b>Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã triển khai thực hiện</b>	cuộc	2	2
<b>2</b>	<b>Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã hoàn thành</b>	cuộc	1	1
<b>3</b>	<b>Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP</b>	cơ quan/tổ chức/đơn vị	2	2
<b>4</b>	<b>Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm về THTK, CLP được phát hiện</b>	cơ quan/tổ chức/đơn vị	0	0
<b>5</b>	<b>Tổng giá trị tiền, tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát</b>	triệu đồng	0	0
<b>6</b>	<b>Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi</b>	triệu đồng	0	0

ĐC